

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 1081/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

về việc ban hành quy chế phối hợp công tác giữa hệ thống Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước trong quản lý thu thuế và các khoản thu NSNN

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, các Luật Thuế và Luật Hải quan;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy chế về việc phối hợp công tác giữa hệ thống Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước trong quản lý thu thuế và các khoản thu NSNN”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(Đã ký)

Nguyễn Sinh Hùng

QUY CHẾ VỀ VIỆC PHỐI HỢP CÔNG TÁC

GIỮA HỆ THỐNG THUẾ, HẢI QUAN VÀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC

TRONG QUẢN LÝ THU THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NSNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1081 /QĐ-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định việc phối hợp công tác giữa hệ thống Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các Luật thuế, Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm:

1. Đảm bảo việc tuân thủ pháp luật về thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN), tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN;
2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước trong công tác quản lý thu thuế và các khoản thu NSNN.

Điều 2. Nội dung phối hợp:

Phối hợp trong công tác trao đổi thông tin; tổ chức thu NSNN; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế và các phối hợp khác nhằm thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời thuế và các khoản thu vào NSNN, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp:

1. Việc phối hợp phải được thực hiện thống nhất từ trung ương đến địa phương, trên phạm vi toàn quốc.
2. Những vướng mắc phát sinh khi phối hợp công tác phải được bàn bạc để thống nhất phương pháp giải quyết kịp thời. Trường hợp không thống nhất thì báo cáo cấp trên trực tiếp của mỗi ngành, nếu còn ý kiến khác nhau thì báo cáo Bộ Tài chính để xin ý kiến chỉ đạo.
3. Việc phối hợp xử lý các vi phạm về thuế phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Hành vi vi phạm của đối tượng nộp thuế thuộc thẩm quyền xử lý của ngành nào phải chuyển hồ sơ về ngành đó để xử lý. Kết quả xử lý được thông báo cho các ngành liên quan biết.
4. Việc phối hợp cung cấp thông tin được thực hiện thường xuyên giữa cơ quan Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước cùng cấp trên địa bàn.

Trường hợp cơ quan Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước ở địa bàn khác yêu cầu cung cấp thông tin thì các cơ quan trên địa bàn của 3 ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin theo qui định của qui chế này.

5. Việc phối hợp trao đổi thông tin giữa ba ngành phải được bảo mật theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
A- QUY ĐỊNH VỀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Điều 4. Nội dung trao đổi thông tin:

1. Thông tin về chính sách, chế độ liên quan đến công tác quản lý thu thuế của ba ngành.

2. Thông tin chung về cơ quan quản lý thu thuế:

- Danh mục, mã số cơ quan quản lý thuế theo địa bàn hành chính;
- Danh mục điểm thu của cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn.

3. Thông tin về đối tượng nộp thuế do ngành Thuế và Hải quan quản lý bao gồm:

- Thông tin chung về: tên, địa chỉ (số điện thoại, fax nếu có), mã số thuế, mã Chương, Loại, Khoản, Mục, Tiểu mục theo mục lục ngân sách hiện hành ...
- Thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp: danh sách các doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động, đang hoạt động, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, đổi tên, đổi mã số thuế, chuyển địa bàn hoạt động.
- Một số thông tin cần thiết về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xuất nhập khẩu.
- Thông tin về tình hình thu, nộp thuế:
 - + Số thuế phải nộp (chi tiết từng loại thuế theo mục lục ngân sách Nhà nước), kỳ hạn nộp;
 - + Số thuế đã nộp (chi tiết theo từng chứng từ; tổng hợp theo ngày, tháng, năm);
 - + Số thuế giá trị gia tăng được hoàn, thời gian và địa điểm hoàn;
 - + Số thuế hoàn trả (trừ thuế Giá trị gia tăng) được thực hiện trực tiếp qua Kho bạc nhà nước (không khấu trừ vào số thuế phải nộp kỳ sau) do cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hoàn trả.

4. Thông tin về vi phạm của đối tượng nộp thuế:

- Danh sách các đối tượng nộp thuế nợ thuế quá hạn, chây ỳ nộp thuế;
- Danh sách các doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh;
- Các thông tin vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan.

5. Thông tin liên quan đến tổ chức thu ngân sách nhà nước:

- Số nộp NSNN trong kỳ (tháng, quý, năm), chi tiết theo cơ quan thu, mục lục ngân sách;
- Dự toán thu NSNN quý, chi tiết theo từng nội dung thu;
- Kế hoạch thu tháng, chi tiết theo địa bàn, đối tượng, phân theo hình thức thu trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan Thuế, Hải quan.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng tờ khai Hải quan, trị giá hàng hóa mỗi tờ khai của đối tượng nộp thuế;
- Các thông tin khác phục vụ công tác quản lý thu thuế.

7. Về thời gian trao đổi thông tin do ba ngành thống nhất qui định.

Điều 5. Hình thức trao đổi thông tin:

1. Thông tin trao đổi qua hệ thống mạng máy tính (sử dụng hạ tầng truyền thông thống nhất của Bộ Tài chính).
2. Thông tin trao đổi bằng văn bản.
3. Thông tin trao đổi trực tiếp.

Điều 6. Phạm vi và giới hạn cung cấp thông tin:

1. Cung cấp những thông tin theo qui định của Bộ Tài chính và của ngành.
2. Cung cấp những thông tin có liên quan đến 1 trong 3 ngành về những đối tượng cần phối hợp để xử lý những vướng mắc khi thực hiện công vụ theo chức năng của mỗi ngành.

Điều 7. Xử lý thông tin:

1. Mỗi hệ thống có trách nhiệm cập nhật thông tin thuộc phạm vi quản lý để tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu với thông tin nhận từ ngành khác và cung cấp thông tin theo qui định.